TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 139/2023/DS - ST
Ngày: 06/12/2023.
"V/v tranh chấp hợp Đ tín dụng và tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M

Với thành phần hội Đ xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Dương Hải.
Các hội thẩm nhân dân:
1. Ông Huỳnh Văn Hiệp
2. Bà Nguyễn H Phượng

Thư ký phiên toà: Bà Ngô Tiểu Loan – Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Tài – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện M xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2023/TLST - DS ngày 17 tháng 01 năm 2023, về việc *"V/v tranh chấp hợp Đ tín dụng và tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 335/2023/QĐST – DS, ngày 02 tháng 11 năm 2023; Quyết định Hoãn phiên tòa số 271/QĐST-DS, ngày 20/11/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng N.

Địa chỉ: Số 02 L, phường T, quận B – Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu M, chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng N chi nhánh T , Sóc Trăng.(Theo văn bản uỷ quyền ngày 01/12/2022). (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ngô Thị Ánh H và bà Nguyễn Thị H.

Địa chỉ: Ấp , xã G, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:
- Bà Ngô Thị Ánh H.
- Bà Nguyễn Thị H
- Ông Ngô Hữu N
- Bà Ngô Thị Ánh N
- Ông Ngô Hữu L

- Bà Ngô Thị Ánh H1
- Ông Ngô Hữu Bảo T
- Ông Ngô Hữu Bảo T1
- Bà Ngô Thị Ánh T
- Ông Đinh Quốc P
- Ông Bùi Minh H

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã G huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN;

- Theo đơn khởi kiện ngày 9/12/2022 và tại phiên toà hôm nay, đại diện ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng N do ông Nguyễn Hữu M trình bày:

Do có nhu cầu vay vốn để nuôi tôm nên ông Ngô Đ (Ngô Hữu Đ) và bà Ngô Thị Ánh H, ông Ngô Hữu S (đã chết) có ký 04 hợp đồng tín dụng số 03A/LH/NHNo-TD, ngày 8/1/2001; Hợp đồng tín dụng số 03B/LH/NHNo-TD, ngày 6/11/2001, Hợp đồng tín dụng số 5721/HĐTD, ngày 23/6/2003 và Hợp đồng tín dụng số số 7608LAV 2012005119/HĐTD, ngày 13/3/2012 với Ngân hàng N (Viết tắt là Ngân hàng). Tổng số tiền vay được nhận ngày 09/01/2012 là 204.700.000đ, mục đích vay: vay vốn nuôi tôm, lãi suất trong hạn là 16,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, thời hạn vay 12 tháng. Sau khi vay thì ông Đ, bà H, ông S chỉ thanh toán cho Ngân hàng số tiền vốn là 143.900.000 đ và số tiền lãi là 19.728.866đ. Trong thời gian thực hiện hợp đồng tín dụng, thời hạn trả nợ khoản vay đã hết, Ngân hàng nhiều lần mời ông Đ, bà H, ông S đến yêu cầu trả nợ nhưng ông Đ, bà H, ông S không đến dẫn đến phát sinh nợ quá hạn. Hiện nay ông Ngô Đ còn nợ Ngân hàng vốn là 60.800.000Đ và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 186.280.812đ (trong này lãi trong hạn là 158.258972đ và lãi qúa hạn là 28.021.840đ), tổng cộng vốn và lãi là 247.080.81đ.

Để đảm bảo cho khoản vay trên ông Đ, bà H, ông S đã dùng tài sản của mình để thế chấp cho Ngân hàng bằng Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 17.047/HĐTC, ngày 26/5/2010 cụ thể:

- Quyền sử dụng đất thuộc thửa số 138, thửa 139, tờ bản đồ số 6, diện tích 6.867 m^2, loại đất: T 1.484m^2 + LNK 5.383m^2, tọa lạc ấp L, xã G, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số C 896725, số vào sổ cấp giấy 00027 do UBND huyện M cấp ngày 5/5/1994 do ông Ngô Đ đứng tên.

-Quyền sử dụng đất thuộc thửa số 223 + 224, tờ bản đồ số 5, diện tích 27.416m^2, loại đất: T 300m^2 + LNK 293m^2 + Mùa 26.823m^2 toạ lạc ấp L, xã G, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số C 896627, số vào số cấp giấy 00017, do UBND huyện M cấp ngày 5/5/1994 do ông Ngô Đ đứng tên.

Tại phiên tòa đại diện Ngân hàng yêu cầu bà Ngô Thị Ánh H và các con của ông Đ là ông Ngô Hữu N, ông Ngô Hữu L, bà Ngô Thị Ánh N, bà Ngô Thị Ánh H phải có trách nhiệm liên đới hoàn trả số nợ vốn là 60.800.000Đ và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 186.280.812đ trong này lãi trong hạn là 158.258.972đ và lãi qua hạn là 28.021.840đ), tổng cộng vốn và lãi là 247.080.812đ cùng với lãi phát sinh theo

hợp đồng tín dụng cho đến khi trả dứt nợ gốc. Nếu những người có tên nêu trên không thực hiện hoặc thực hiện không đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì Ngân hàng yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi, xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng. Riêng đối với phần đất gia đình ông Đ xây 03 ngôi mộ diện tích 6m x 6m tại thửa số 138 thì Ngân hàng đồng ý không yêu cầu phát mãi khi xử lý tài sản thế chấp.

- Đối với bị đơn bà H, bà H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông N ông L, bà H bà N, ông T, ông T1, bà Thì, ông P, ông H mặc dù Toà án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho họ nhưng họ không gửi ý kiến bằng văn bản cho Toà án biết về ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Tại phiên toà, kiểm sát viên phát biểu ý kiến về đường lối giải quyết vụ án là đề nghị HĐXX buộc bị đơn Ngô Thị Ánh H và những người thừa kế của ông Ngô Đ là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho nguyên đơn số tiền vốn và lãi tính đến ngày 06/12/2023 tổng cộng là 247.080.812 Đ và tiền lãi phát sinh theo hợp Đ tín dụng cho đến khi hoàn tất nợ gốc. Trường hợp buộc bị đơn Ngô Thị Ánh H và những người thừa kế của ông Ngô Đ là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất để thu hồi nợ. Đối với phần đất gia đình ông Đ xây 03 ngôi mộ diện tích 6m x 6m tại thửa số 138 thì Ngân hàng Đ ý không yêu cầu phát mãi khi xử lý tài sản thế chấp nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Đối với việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội Đ xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, lời trình bày của đương sự, Hội Đ xét xử nhận định:

[1] ***Về tố tụng***: Đối với bị đơn bà H, bà H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông N ông L, bà H bà N, ông T, ông T1, bà Thì, ông P, ông H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không lý do, vì vậy căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt họ theo quy định pháp luật.

[2] ***Về nội dung***:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Trước đây khi thụ lý vụ án Toà án thụ lý quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp Đ tín dụng. Nay HĐXX điều chỉnh lại là "Tranh chấp hợp Đ tín dụng và tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại"thì mới chính xác và đúng quy định của pháp luật.

- Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bà Ngô Thị Ánh H, ông Ngô Hữu N, ông Ngô Hữu L, bà Ngô Thị Ánh N, bà Ngô Thị Ánh H hoàn trả số tiền vốn và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm tổng cộng là 247.080.812đ thì thấy:

Do có nhu cầu vay vốn để nuôi tôm, ông Ngô Đ có ủy quyền cho ông Ngô Hữu S (đã chết) ký Hợp đồng tín dụng số 03A/LH/NHNo-TD, ngày 8/1/2001; Hợp đồng tín dụng số 03B/LH/NHNo-TD, ngày 6/11/2001; ủy quyền cho bà Ngô Thị Ánh H ký Hợp đồng tín dụng số 5721/HĐTD, ngày 23/6/2003 và ông Ngô Đ có ký Hợp đồng tín dụng số LAV2012005119/HĐTD, ngày 13/3/2012 với Ngân hàng N (Viết tắt là Ngân hàng). Tổng số tiền vay được nhận ngày 09/01/2012 là 204.700.000 đ, mục đích vay: vay vốn nuôi tôm, lãi suất trong hạn là 16,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, thời hạn vay 12 tháng. Sau khi vay thì ông Đ, bà H, ông S chỉ thanh toán cho Ngân hàng số tiền vốn là 143.900.000đ và số tiền lãi là 19.728866đ. Trong thời gian thực hiện hợp Đ tín dụng, thời hạn trả nợ khoản vay đã hết, Ngân hàng nhiều lần mời ông Đ, bà H, ông S đến yêu cầu trả nợ nhưng ông Đ, bà H, ông S không đến dẫn đến phát sinh nợ quá hạn. Để đảm bảo cho khoản vay trên ông Đ, bà H, ông S đã dùng tài sản của mình để thế chấp cho Ngân hàng bằng Hợp Đ thế chấp quyền sử dụng đất số 17.047/HĐTC, ngày 26/5/2010 cụ thể:

- Quyền sử dụng đất thuộc thửa số 138, thửa 139, tờ bản đồ số 6, diện tích 6.867 m^2, loại đất: T 1.484m^2 + LNK 5.383m^2, tọa lạc ấp L, xã G, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số C 896725, số vào sổ cấp giấy 00027 do UBND huyện M cấp ngày 5/5/1994 do ông Ngô Đ đứng tên.

- Quyền sử dụng đất thuộc thửa số 223 + 224, tờ bản đồ số 5, diện tích 27.416m^2, loại đất: T 300m^2 + LNK 293m^2 + Mùa 26.823m^2 toạ lạc ấp L, xã G, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số C 896627, số vào số cấp giấy 00017, do UBND huyện Mcấp ngày 5/5/1994 do ông Ngô Đ đứng tên.

Tại phiên tòa đại diện Ngân hàng yêu cầu bà Ngô Thị Ánh H và các con của ông Đ là ông Ngô Hữu N, ông Ngô Hữu L, bà Ngô Thị Ánh N, bà Ngô Thị Ánh H phải có trách nhiệm liên đới hoàn trả số nợ vốn là 60.800.000đ và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 186.280.812đ (trong này lãi trong hạn là 158.258972đ và lãi qua hạn là 28.021.840đ), tổng cộng vốn và lãi là 247.080.812đ cùng với lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi trả dứt nợ gốc. Nếu những người có tên nêu trên không thực hiện hoặc thực hiện không đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì Ngân hàng yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi, xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng. Riêng đối với phần đất gia đình ông Đ xây 03 ngôi mộ diện tích 6m x 6m tại thửa số 138 thì Ngân hàng đồng ý không yêu cầu phát mãi khi xử lý tài sản thế chấp.

[3] Xét thấy, theo 04 hợp đồng tín dụng số 03A/LH/NHNo-TD, ngày 8/1/2001; Hợp đồng tín dụng số 03B/LH/NHNo-TD, ngày 6/11/2001; Hợp đồng tín dụng số 5721/HĐTD, ngày 23/6/2003 và Hợp đồng tín dụng số 7608LAV 2012005119/HĐTD, ngày 13/3/2012 thì phía nguyên đơn đã thực hiện nghĩa vụ là giao cho ông Đ (do bà H và ông S đại diện ký) số tiền vốn vay như thỏa thuận trong hợp đồng, nhưng phía bị đơn chỉ trả cho Ngân hàng số tiền vốn là 143.900.000đ và số

tiền lãi là 19.728866 Đ.Tính đến ngày xét xử sơ thẩm ông Đ còn nợ Ngân hàng số tiền vốn là 60.800.000Đ và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 186.280.812 Đ (trong này lãi trong hạn là 158.258972 Đ và lãi qua hạn là 28.021.840 Đ), tổng cộng vốn và lãi là 247.080.812 Đ.

[4] Như vậy ông Ngô Đ chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ như đã thỏa thuận trong hợp đồng là vi phạm hợp đồng là có lỗi. Căn cứ Điều 5 của hợp đồng tín dụng số 5721/HĐTD, ngày 23/6/2003 và Hợp đồng tín dụng số số 7608LAV 2012005119/HĐTD, ngày 13/3/2012 và khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng thì tổ chức tính dụng có quyền chấm dứt hợp đồng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng vi phạm các quy định trong hợp đồng tín dụng. Mặc dù trong hợp đồng tín dụng là do ông Ngô Đ ký hợp đồng vay tiền của Ngân hàng nhưng đến năm 2013 thì ông Đ đã chết. Cho nên, căn cứ Điều 615 Bộ luật dân sự năm 2015 cần thiết buộc những người ở hàng thừa kế thứ nhất của ông Đ là tất cả các người con của ông Đ phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ của ông Đ để lại, bao gồm bà Ngô Thị Ánh H, bà Ngô Thị Ánh N, ông Ngô Hữu N, bà Ngô Thị Ánh H, ông Ngô Hữu L phải có nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng trong phạm vi di sản do ông Đ để lại là phù hợp với quy định của pháp luật. Đối với bà Nguyễn Thị Hường là vợ của ông Đ hiện đã chết nên không đặt ra xem xét trách nhiệm đối với bà Hường.

Đối với bị đơn Ngô Thị Ánh H, bà Nguyễn Thị H (vợ ông Ngô Hữu S): nhận thấy, bà H và ông Sơn ký hợp đồng tín dụng với tư cách ký đại diện cho ông Ngô Đ có văn bản ủy quyền, không phải người vay, do đó không có căn cứ buộc bị đơn cùng có trách nhiệm thanh toán, mà nghĩa vụ phải được thực hiện với tư cách tố tụng là người thực hiện thay nghĩa vụ của ông Đ thì mới đảm bảo đúng quy định pháp luật.

[5] Từ những phân tích trên, việc nguyên đơn Ngân hàng N yêu cầu bị đơn bà H và những người thừa kế của ông Đ là bà N, ông N bà H ông L phải liên đới thanh toán số tiền nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm số tiền vốn và lãi 247.080.812đ là có cơ sở để chấp nhận.

[6] Về xử lý tài sản thế chấp: Xét thấy, theo Hợp đồng thế chấp QSDĐ số 17.047/HĐTC, ngày 26/5/2010đã ký giữa Ngân hàng với ông Ngô Đ thì trường hợp ông Đ không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là cụ thể: Quyền sử dụng đất thuộc thửa số 138, thửa 139, tờ bản đồ số 6, diện tích 6.867 m^2, loại đất: T 1.484m^2 + LNK 5.383m^2, tọa lạc ấp L, xã G, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số C 896725, số vào sổ cấp giấy 00027 do UBND huyện M cấp ngày 5/5/1994 do ông Ngô Đ đứng tên. Quyền sử dụng đất thuộc thửa số 223 + 224, tờ bản đồ số 5, diện tích 27.416m^2, loại đất: T 300m^2 + LNK 293m^2 + Mùa 26.823m^2 toạ lạc ấp L, xã G, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số C 896627, số vào số cấp giấy 00017, do UBND huyện Mỹ Xuyên cấp ngày 5/5/1994 do ông Ngô Đ đứng tên để thu hồi nợ. Vì vậy HĐXX công nhận hợp đồng thế chấp QSDĐ và chấp nhận yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp của nguyên đơn trong trường hợp các bị đơn không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Tuy nhiên theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 11/5/2023 thì tài sản thế chấp của ông Ngô Đ do các con của ông Đ đang sử dụng cụ thể như sau:

[7] - Tại thửa đất số 138 và thửa số 139: Hiện nay bà Nguyễn Thị H (vợ ông Ngô Hữu S) và các con là T, T1, Thì đang sử dụng, diện tích theo giấy chứng nhận QSDĐ thì thửa 138 có diện tích là 1.484m^2 ; Thửa số 139 có diện tích là 5.383m^2, hiện trạng là đất ao tôm, trên phần đất có 01 căn nhà của vợ chồng ông Sơn, bà H có chiều ngang 5,2m, dài 13,5m có kết cấu: Mái lợp tol , vách xây tường, nền lót gạch men, cột bê tông cốt thép, 01 căn nhà phụ, chiều ngang 4,5m, dài 13m, có kết cấu: Cột đúc, lợp lá, vách lá, nền đất. Vì vậy khi cơ quan có thẩm xử lý tài sản thế chấp cần buộc bà H và các con của bà H giao trả quyền sử dụng đất thửa số 138 và thừa 139 để cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp thu hồi nợ cho Ngân hàng. Trường hợp bà H, anh T1, anh T1, chị Thì có nhu cầu chuyển nhượng phần đất gắn liền với căn nhà của bà H thì bà H được quyền ưu tiên nhận chuyển nhượng phần đất này khi Cơ quan Thi hành án dân sự huyện M xử lý thửa đất 138, thừa 139 để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Ngoài ra trên phần đất của thửa 138 có 03 ngôi mộ của gia đình ông Ngô Đ có chiều ngang 06m , dài 06m, diện tích 36m^2.

- Đối với phần đất tại thửa số 223 diện tích theo giấy chứng nhận QSDĐ là 593m^2 hiện nay Nhà nước làm lộ và nạo vét kinh thuỷ lợi đã hết đất.

- Đối với phần đất tại thửa số 224: Có diện tích theo giấy chứng nhận QSDĐ là 26.823m^2, hiện nay có 04 người đang sử dụng thửa đất này gồm bà N, bà H bà H1 và bà H2 cụ thể như sau:

+ Phần đất bà N đang sử dụng diện tích 8.000m^2, trên đất có 01 căn nhà của bà N có chiều ngang 05m, dài 12m, có kết cấu: Nền lót gạch men, cột đúc, mái lợp tol, vách tol.

+ Phần bà H đang sử dụng 2.600m^2 đất ruộng.

+ Phần bà H1 và chồng là Bùi Minh H đang sử dụng 3.400m^2, trên đất có 01 căn nhà của bà H1 ngang 4,5m, dài 10m, có kết cấu: Mái lợp tol, vách lá, nền đất, cột đúc.

+ Phần đất còn lại của thửa 224 có diện tích là 12.823m^2 hiện do bà H2 đang sử dụng, hiện trạng là đất ao tôm.

Vì vậy khi cơ quan có thẩm xử lý tài sản thế chấp cần buộc bà N và bà H2 phải giao trả quyền sử dụng đất thửa số 224 để cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp thu hồi nợ cho Ngân hàng. Trường hợp bà N và bà H2 có nhu cầu nhận chuyển nhượng phần đất gắn liền với căn nhà trên thì bà N và bà H được quyền ưu tiên nhận chuyển nhượng phần đất này khi Cơ quan Thi hành án dân sự huyện M xử lý thửa đất 224 để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

+ Đối với phần đất gia đình ông Đ xây 03 ngôi mộ diện tích 6m x 6m tại thửa số 138 thì ghi nhận sự tự nguyện của Ngân hàng Đ ý không yêu cầu phát mãi khi xử lý tài sản thế chấp.

[8] Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N về việc yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn và những người kế

thừa quyền và nghĩa vụ của ông Đ là các ông/bà Ngô Thị Ánh H, bà Ngô Thị Ánh N, ông Ngô Hữu N, bà Ngô Thị Ánh H, ông Ngô Hữu L, phải có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho Ngân hàng số tiền vốn và lãi tính tính đến ngày xét xử sơ thẩm số tiền vốn và lãi là 247.080.812đ và lãi quá hạn phát sinh theo hợp đồng cho đến khi trả hết nợ gốc là có căn cứ để chấp nhận. Nếu trường hợp bà Ngô Thị Ánh H, bà Ngô Thị Ánh N, ông Ngô Hữu N, bà Ngô Thị Ánh H, ông Ngô Hữu L không thực hiện việc thanh toán cho Ngân hàng số vốn và lãi còn nợ như trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản đã thế chấp nêu trên để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

[9] Về án phí: Bà Ngô Thị Ánh H, bà Ngô Thị Ánh N, ông Ngô Hữu N, bà Ngô Thị Ánh H, ông Ngô Hữu L phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 12,354.000 đ. Tuy nhiên, bà N, sinh năm 1959, ông Năm, sinh năm 1954, đều là người cao tuổi (trên 60 tuổi) và có đơn yêu cầu miễn nộp tiền án phí nên thuộc trường hợp được miễn nộp án phí tương ứng với phần nghĩa vụ của bà N là 2.470.000đ, phần nghĩa vụ ông Nam là 2.470.000 đ, những người còn lại bà H, bà H ông L phải liên đới chịu số tiền là 7.410.000 đ theo quy định.

[10] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bà Ngô Thị Ánh H, bà Ngô Thị Ánh N, ông Ngô Hữu N, bà Ngô Thị Ánh H, ông Ngô Hữu L, bà phải chịu số tiền là 700.000 đ. Ngân hàng đã nộp tạm ứng trước nên những đương sự có tên nêu trên phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho Ngân hàng số tiền 700.000 đ.

[11] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội Đ xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến thời điểm xét xử vụ án và ý kiến về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, Hội Đ xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 147; Khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 244; Điều 271; khoản 1, 3 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 317; Điều 318; 463; Điều 466; Điều 615 Bộ luật dân sự 2015;
- Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

1.1 Buộc bị đơn bà Ngô Thị Ánh H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị Ánh N, ông Ngô Hữu N, bà Ngô Thị Ánh H, ông Ngô Hữu L phải có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền vốn và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm tổng số tiền là 247.080.812 đồng (Trong này vốn là 60.800.000đ và lãi là 186.280.812 đồng) cùng với lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi trả dứt

nợ. Bà Ngô Thị Ánh H, bà Ngô Thị Ánh N, ông Ngô Hữu N, bà Ngô Thị Ánh H, ông Ngô Hữu L có nghĩa vụ thực hiện trong phạm vi di sản ông Ngô Đ để lại.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Ngô Thị Ánh H, bà Ngô Thị Ánh N, ông Ngô Hữu N, bà Ngô Thị Ánh H, ông Ngô Hữu L còn phải chịu lãi trên số nợ gốc theo lãi suất quá hạn mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số hợp đồng tín dụng số 03A/LH/NHNo-TD, ngày 8/1/2001; Hợp đồng tín dụng số 03B/LH/NHNo-TD, ngày 6/11/2001, Hợp đồng tín dụng số 5721/HĐTD, ngày 23/6/2003 và Hợp đồng tín dụng số số LAV 2012005119/HĐTD, ngày 13/3/2012 cho đến khi hoàn tất nợ gốc.

1.2 Trong trường hợp bà Ngô Thị Ánh H, bà Ngô Thị Ánh N, ông Ngô Hữu N, bà Ngô Thị Ánh H, ông Ngô Hữu L không trả vốn và lãi cho Ngân hàng N, để đảm bảo việc thu hồi nợ thì Ngân hàng có quyền làm đơn yêu cầu cơ quan thi hành dân sự huyện M phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 17.047/HĐTC, ngày 26/5/2010 đã ký giữa Ngân hàng với ông Ngô Đ đối với Quyền sử dụng đất thuộc thửa số 138, thửa 139, tờ bản đồ số 6, diện tích 6.867 m^2, loại đất: T 1.484m^2 + LNK 5.383m^2, tọa lạc ấp L, xã G, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số C 896725, số vào sổ cấp giấy 00027 do UBND huyện M cấp ngày 5/5/1994 do ông Ngô Đ đứng tên. Quyền sử dụng đất thuộc thửa số 223 + 224, tờ bản đồ số 5, diện tích 27.416m^2, loại đất: T 300m^2 + LNK 293m^2 + Mùa 26.823m^2 toạ lạc ấp L, xã G, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số C 896627, số vào số cấp giấy 00017, do UBND huyện M cấp ngày 5/5/1994 do ông Ngô Đ đứng tên để thu hồi nợ.

1.3 Buộc bà Nguyễn Thị H, ông Ngô Hữu Bảo T, Ngô Hữu Bảo T1, Ngô Thị Ánh T có trách nhiệm giao lại quyền sử dụng đất tại thửa số 138, thửa số 139, tổng diện tích 6.867m^2 tờ bản đồ số 06, đất tọa lạc tại ấp L, xã G, huyện M, tỉnh Sóc Trăng khi cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Trường hợp bà H, ông T ông T1, bà Thì có nhu cầu chuyển nhượng phần đất gắn liền với căn nhà xây dựng trên thửa đất số 138 và thửa số 139 có chiều ngang 5,2m, dài 13,5m có kết cấu: Mái lợp tol, vách xây tường, nền lót gạch men, cột bê tông cốt thép thì được quyền ưu tiên nhận chuyển nhượng phần đất này khi Cơ quan Thi hành án dân sự huyện M xử lý thửa đất 138,139 để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

1.4 Buộc bà Ngô Thị Ánh N có trách nhiệm giao lại một phần diện tích tại thửa số 224, diện tích 8.000m^2 tờ bản đồ số 05, đất tọa lạc tại ấp L, xã G, huyện M, tỉnh Sóc Trăng mà bà N đang sử dụng khi cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Trường hợp bà N có nhu cầu chuyển nhượng phần đất gắn liền với căn nhà được xây dựng trên thửa đất số 224 có diện tích chiều ngang 05m, dài 12m, có kết cấu: Nền lót gạch men, cột đúc, mái lợp tol, vách tol thì được quyền ưu tiên nhận chuyển nhượng phần đất này khi Cơ quan Thi hành án dân sự huyện M xử lý thửa đất 224 để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

1.5 Buộc bà Ngô Thị Ánh H có trách nhiệm giao lại một phần diện tích tại thửa số 224, diện tích 2.600m^2 tờ bản đồ số 05, đất tọa lạc tại ấp L xã , huyện M, tỉnh Sóc

Trăng mà bà H đang sử dụng khi có quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

1.6 Buộc bà Ngô Thị Ánh H và ông Bùi Minh H có trách nhiệm giao lại một phần diện tích tại thửa số 224, diện tích 3.400m^2 tờ bản đồ số 05, đất tọa lạc tại ấp L xã G, huyện M, tỉnh Sóc Trăng mà bà H và ông H đang sử dụng khi cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Trường hợp bà H1 và ông H có nhu cầu chuyển nhượng phần đất gắn liền với căn nhà được xây dựng trên thửa đất số 224 có diện tích chiều ngang 4,5m, dài 10m, có kết cấu: Mái lợp tol, vách lá, nền đất, cột đúc thì được quyền ưu tiên nhận chuyển nhượng phần đất này khi Cơ quan Thi hành án dân sự huyện M xử lý thửa đất 224 để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

1.7 Buộc bà Nguyễn Thị H, ông Ngô Hữu Bảo T, Ngô Hữu Bảo T1, Ngô Thị Ánh T có trách nhiệm giao lại một phần diện tích tại thửa số 224, diện tích 12.823m^2 tờ bản đồ số 05, đất tọa lạc tại ấp L, xã G, huyện M, tỉnh Sóc Trăng khi cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của Ngân hàng N về việc không yêu cầu xử lý phần đất gia đình ông Ngô Đ xây 03 ngôi mộ diện tích 6m x 6m tại thửa số 138 khi xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn Ngân hàng N không phải chịu án phí và được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.000. 000 Đ theo biên lai thu số 0002801, ngày 16/01/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- Bà Ngô Thị Ánh H, bà Ngô Thị Ánh H, ông Ngô Hữu L phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.410.000 Đ. Bà Ngô Thị Ánh N và ông Ngô Hữu N được miễn nộp án phí.

4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chổ: Bà Ngô Thị Ánh H, bà Ngô Thị Ánh N, ông Ngô Hữu N, bà Ngô Thị Ánh H, ông Ngô Hữu L phải chịu số tiền là 700.000 Đ. Ngân hàng N đã nộp tạm ứng trước nên Bà Ngô Thị Ánh H, bà Ngô Thị Ánh N, ông Ngô Hữu N, bà Ngô Thị Ánh H, ông Ngô Hữu L có trách nhiệm hoàn trả lại cho Ngân hàng số tiền 700.000 Đ.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng giải quyết theo thủ tục phúc thẩm. Đối với các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện Mỹ Xuyên;*

TM. HỘI Đ XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

- Chi cục THADS huyện MX;
- Lưu hồ sơ vụ án;

Mai Thị Dương Hải